

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1102/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**về việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật hải quan số 29/2001/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Cục trưởng Cục Hải quan các Tỉnh, Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

QUY CHẾ**xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá**

(ban hành kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ sở dữ liệu giá là tất cả các thông tin liên quan đến việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế do người khai Hải quan khai báo, cung cấp cho cơ quan Hải quan hoặc do cơ quan Hải quan thu thập được liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, được quản lý và sử dụng trong nội bộ Ngành để phục vụ công tác kiểm tra trị giá khai báo, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

a) Thông tin từ hồ sơ nhập khẩu: Là các nguồn thông tin có sẵn thể hiện trên hồ sơ lô hàng nhập khẩu do người nhập khẩu khai báo hoặc do cơ quan Hải quan thực hiện tại khâu thông quan và khâu sau thông quan hàng hóa cụ thể:

- Dữ liệu khai báo trên tờ khai nhập khẩu;
- Dữ liệu khai báo trên tờ khai trị giá;
- Dữ liệu trên hợp đồng ngoại thương, Invoice, chứng từ thanh toán và các chứng từ khác có liên quan đến trị giá;

- Thông tin chi tiết về hàng hóa;
- Kết quả xác định trị giá tính thuế;
- Kết quả kiểm tra trị giá;
- Kết quả tham vấn giá;
- Kết quả điều chỉnh giá;
- Kết quả phúc tập giá;
- Kết quả xử lý khiếu nại;
- Kết quả kiểm tra sau thông quan;
- Kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá.

b) Thông tin từ nguồn khác: Là các nguồn thông tin dữ liệu không có trên hồ sơ lô hàng nhập khẩu do người nhập khẩu cung cấp, do cơ quan Hải quan thu thập hoặc do các cơ quan có liên quan khác cung cấp và đã được kiểm chứng mức độ tin cậy, bao gồm:

- Nguồn thông tin từ các tổ chức, cơ quan thẩm định giá;
- Nguồn thông tin từ các thư chào hàng của nhà xuất khẩu;
- Nguồn thông tin từ các bản tin về giá được phép lưu hành;

- Nguồn thông tin từ giá bán thị trường nội địa;

- Nguồn thông tin từ các tổ chức Hiệp hội ngành hàng;

- Nguồn Internet, tạp chí, sách báo;

- Nguồn thông tin do cơ quan thuế nội địa cung cấp;

- Nguồn thông tin do cơ quan Điều tra chống buôn lậu cung cấp;

- Nguồn thông tin do các cơ quan, tổ chức cung cấp như: Tham tán thương mại, ngân hàng, công an, ...;

- Nguồn thông tin do Hải quan các nước, tổ chức Hải quan khu vực và quốc tế cung cấp.

c) Nguồn thông tin từ danh mục quản lý rủi ro về giá: Bao gồm các thông tin giá của một số mặt hàng, nhóm hàng trọng điểm, có khả năng gian lận thương mại cao. Các thông tin giá này được xây dựng trên cơ sở phân tích, tổng hợp từ các nguồn thông tin, dữ liệu có sẵn trên hồ sơ nhập khẩu và các nguồn thông tin dữ liệu khác do cơ quan Hải quan thu thập được;

d) Nguồn thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp: Bao gồm các nguồn thông tin liên quan đến tình hình chấp hành chế độ, chính sách của doanh nghiệp trong khai báo và xác

định trị giá, số lần vi phạm và mức độ vi phạm do cơ quan Hải quan tổng hợp phân tích trên hệ thống quản lý rủi ro.

2. Nguồn thông tin dữ liệu giá tính thuế phải được thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác theo một hệ thống thống nhất, được lưu giữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan và cung cấp cho các đơn vị trong ngành khai thác, sử dụng.

3. Đối tượng thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu giá là các cán bộ, công chức làm công tác giá tại:

- Chi Cục Hải quan cửa khẩu và tương đương;

- Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố;

- Tổng cục Hải quan.

4. Các đơn vị được cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá phải phân quyền theo tên truy cập, mật khẩu riêng đến từng cán bộ, công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức được giao theo sự phân công của Lãnh đạo.

5. Việc trao đổi, cung cấp các thông tin trong cơ sở dữ liệu giá giữa các bộ phận trong đơn vị do Lãnh đạo đơn vị đó quyết định và phải tuân thủ các nguyên tắc về bảo mật và quản lý hệ thống. Nghiêm cấm việc cung cấp thông tin ra

ngoài ngành Hải quan khi chưa được sự cho phép của Lãnh đạo đơn vị.

II. NỘI DUNG VỀ THU THẬP, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ

1. Phương pháp thu thập các nguồn thông tin

a) Đối với nguồn thông tin từ hồ sơ nhập khẩu:

Việc thu thập thông tin phải căn cứ tài liệu, hồ sơ, chứng từ do doanh nghiệp khai báo, nộp cho cơ quan Hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu và kết quả kiểm tra, kết quả xác định trị giá, kết quả tham vấn, kết quả điều chỉnh giá, kết quả kiểm tra sau thông quan,...do cơ quan Hải quan thực hiện tại khâu thông quan và khâu sau thông quan hàng hóa, được ghi chép, phản ánh trên hồ sơ lô hàng nhập khẩu hoặc các chứng từ có liên quan.

Phương pháp thu thập đối với nguồn thông tin này được quy định cụ thể tại mục 1 của Phụ lục kèm theo Quy chế này.

b) Đối với nguồn thông tin khác:

Việc thu thập thông tin phải căn cứ vào các tài liệu, chứng từ báo giá, kết quả tra cứu trên mạng internet, kết quả khảo sát

giá...do doanh nghiệp, các cơ quan có liên quan cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Hải quan hoặc do cơ quan Hải quan tự thu thập được trong quá trình kiểm tra, xác định giá tính thuế sau khi đã được kiểm tra, đánh giá mức độ tin cậy và đã được sử dụng để so sánh, kiểm tra trị giá khai báo.

Phương pháp thu thập đối với nguồn thông tin này được quy định cụ thể tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Quy chế này.

c) Đối với nguồn thông tin từ danh mục quản lý rủi ro về giá:

c.1) Tổng cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế, khả năng gian lận thương mại để công bố những mặt hàng thuộc danh mục quản lý rủi ro về giá theo từng giai đoạn.

c.2) Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố căn cứ danh mục những mặt hàng do Tổng cục Hải quan công bố để xây dựng mức giá kiểm tra trên cơ sở tổng hợp các nguồn thông tin từ hồ sơ nhập khẩu và các nguồn thông tin khác nhằm hỗ trợ công tác kiểm tra trị giá khai báo, tham vấn và xác định trị giá đối với những mặt hàng thuộc danh mục quản lý rủi ro đồng thời báo cáo về Tổng cục để tập hợp ban hành và áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

Phương pháp thu thập, phân tích, xây dựng và sử dụng danh mục dữ liệu quản lý rủi ro về giá được quy định cụ thể tại mục 3 của Phụ lục kèm theo quy chế này.

d) Đối với nguồn thông tin về tình hình chấp hành pháp luật doanh nghiệp:

Định kỳ hàng tháng, bộ phận thu thập phân tích và xử lý thông tin của hệ thống quản lý rủi ro cung cấp thông tin cho bộ phận trị giá cùng cấp những doanh nghiệp vi phạm trong quá trình khai báo và xác định trị giá để có biện pháp tăng cường công tác kiểm tra trị giá tại khâu trong thông quan đối với những doanh nghiệp này.

2. Phạm vi và phương pháp cập nhật các nguồn thông tin trong cơ sở dữ liệu giá.

a) Phạm vi cập nhật:

a.1) Đối với các Chi cục Hải quan

- Cập nhật tất cả các thông tin có sẵn trên hồ sơ nhập khẩu theo quy định tại điểm a mục 1 phần I ngay trong ngày vào cơ sở dữ liệu giá.

- Cập nhật các nguồn thông tin khác ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định tại điểm b mục 1 phần I ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào cơ sở dữ liệu giá.

a.2) Đối với các Cục Hải quan:

- Cập nhật các thông tin từ kết quả kiểm tra ngay sau khi thực hiện vào cơ sở dữ liệu giá bao gồm:

+ Kết quả kiểm tra trị giá;

+ Kết quả tham vấn giá;

+ Kết quả xử lý khiếu nại;

+ Kết quả kiểm tra sau thông quan;

+ Kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá.

- Cập nhật các nguồn thông tin khác theo quy định tại điểm b mục 1 phần I ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào cơ sở dữ liệu giá.

- Cập nhật danh mục mặt hàng trọng điểm do Cục trưởng quyết định.

a.3) Đối với Tổng cục:

- Cập nhật các thông tin từ kết quả kiểm tra ngay sau khi thực hiện vào cơ sở dữ liệu giá bao gồm:

+ Kết quả kiểm tra trị giá; phân luồng các lô hàng để đánh giá mức độ tin cậy của trị giá;

+ Kết quả xử lý khiếu nại;

+ Kết quả kiểm tra sau thông quan;

+ Kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá.

- Cập nhật các nguồn thông tin khác theo quy định tại điểm b mục 1 phần I ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào cơ sở dữ liệu giá.

- Cập nhật danh mục quản lý rủi ro về giá trong phạm vi toàn Ngành.

b) Phương pháp cập nhật các nguồn thông tin trong cơ sở dữ liệu giá

Việc cập nhật các nguồn thông tin đối với từng cấp theo phạm vi nêu trên được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu giá (GTT22). Riêng việc cập nhật danh mục dữ liệu quản lý rủi ro về giá được thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 của Phụ lục kèm theo Quy chế này.

3. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu giá tính thuế:

a) Cơ sở dữ liệu giá được sử dụng để kiểm tra, xác định độ tin cậy, tính trung thực và chính xác của trị giá khai báo.

a.1) Nguồn thông tin để kiểm tra trị giá khai báo: Là toàn bộ các thông tin có trong cơ sở dữ liệu giá bao gồm:

- Thông tin từ hồ sơ nhập khẩu;
- Thông tin từ nguồn khác;
- Thông tin từ danh mục quản lý rủi ro về giá;

- Thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

a.2) Phương pháp kiểm tra: So sánh, đối chiếu trị giá khai báo với các trị giá có trong cơ sở dữ liệu giá để xác định mức độ trung thực, chính xác của trị giá khai báo. Quá trình kiểm tra được thực hiện như sau:

- So sánh trị giá khai báo với các trị giá của lô hàng nhập khẩu giống hệt, tương tự do cơ quan Hải quan xác định trị giá tính thuế.

- So sánh trị giá khai báo với các trị giá của các lô hàng nhập khẩu giống hệt, tương tự khác đã được cơ quan Hải quan chấp nhận trị giá tính thuế theo trị giá khai báo loại trừ các lô hàng đang trong diện nghi ngờ, chờ tham vấn.

- So sánh trị giá khai báo với trị giá khai báo của linh kiện đồng bộ cùng loại nhập khẩu; Hoặc trị giá khai báo của nguyên liệu chính cấu thành nên sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu.

Thời gian tìm kiếm dữ liệu để so sánh được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- So sánh trị giá khai báo với các trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự có trong danh mục quản lý rủi ro về giá.

- So sánh trị giá khai báo với trị giá hàng hóa giống hệt, tương tự do cơ quan Hải quan thu thập từ các nguồn thông tin khác.

Trường hợp không tìm được hàng hóa giống hệt, hàng hóa tương tự theo quy định để so sánh, kiểm tra trị giá khai báo thì áp dụng linh hoạt, mở rộng hơn khái niệm hàng hóa giống hệt, tương tự quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Kiểm tra thông tin về tình hình chấp hành trong khai báo và xác định trị giá của doanh nghiệp do bộ phận thu thập, xử lý thông tin cung cấp từ chương trình quản lý rủi ro để phân loại doanh nghiệp trọng điểm.

Việc đánh giá mức độ tin cậy, tính trung thực chính xác của trị giá khai báo sau khi so sánh với cơ sở dữ liệu giá quy định tại điểm a nêu trên được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quy trình kiểm tra, xác định trị giá.

b) Cơ sở dữ liệu giá được sử dụng để hỗ trợ việc xác định trị giá tính thuế đối với các trường hợp cơ quan Hải quan phải xác định giá tính thuế theo quy định tại điểm 7 Điều 15 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ.

b.1) Nguồn thông tin hỗ trợ việc xác định trị giá: Bao gồm một số nguồn thông tin trong cơ sở dữ liệu giá, cụ thể:

- Trị giá tính thuế của các lô hàng nhập khẩu trước đó đã được cơ quan Hải quan chấp nhận trị giá khai báo theo các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định từ mục I đến mục VI phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu loại trừ các lô hàng đang trong diện nghi ngờ, chờ tham vấn.

- Trị giá tính thuế của các lô hàng nhập khẩu trước đó đã được cơ quan Hải quan xác định trị giá tính thuế theo các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định từ mục I đến mục VI phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu do bác bỏ trị giá khai báo.

b.2) Phương pháp xác định giá: Việc sử dụng cơ sở dữ liệu giá để hỗ trợ công tác xác định giá tính thuế phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự cũng như phương pháp xác định trị giá quy định tại Điều 4 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ, không dùng cơ sở dữ liệu giá để xác định trị giá ngay hoặc áp giá tính thuế.

III. QUẢN LÝ, BẢO MẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ

1. Quản lý cơ sở dữ liệu giá

a) Trách nhiệm của Chi cục

- Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin về giá vào hệ thống theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Chi cục theo hướng dẫn tại tiết a.1 khoản a mục 2 phần II Quy chế này.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào hệ thống.

- Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có tại cơ sở dữ liệu giá.

- Tổ chức phân quyền đến từng bộ phận nghiệp vụ, từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng cán bộ công chức đã được Lãnh đạo phân công.

- Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định.

Giao Chi cục trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá trong phạm vi do Chi cục quản lý.

b) Trách nhiệm của Cục Hải quan các Tỉnh, Thành phố.

- Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin về giá vào hệ thống theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Cục theo hướng dẫn tại tiết a.2 khoản a mục 2 phần II Quy chế này.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào hệ thống trong phạm vi toàn Cục.

- Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có trong phạm vi toàn Cục.

- Tổ chức phân quyền đến từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm

vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống.

- Tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu giá tại các Chi cục trực thuộc.

- Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định

- Đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống. Khắc phục các sự cố về vấn đề kỹ thuật, về máy móc thiết bị, đường truyền mạng, lỗi phần mềm... để duy trì sự hoạt động liên tục và có hiệu quả của hệ thống trong phạm vi toàn Cục. Trường hợp không khắc phục được sự cố thì trong vòng 03 ngày phải báo ngay về Tổng cục (Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan; Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu) để xem xét, xử lý.

Giao Cục trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá trong phạm vi toàn Cục.

c) Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

- Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin giá vào hệ thống theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Tổng cục quy định tại tiết a.3 khoản a mục 2 phần II Quy chế này.

- Quản lý về nội dung toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu giá tính thuế của toàn ngành Hải quan.

- Chịu trách nhiệm chia sẻ thông tin về dữ liệu giá kịp thời, chính xác để các đơn vị trong toàn ngành khai thác và sử dụng có hiệu quả. Bảo mật các thông tin được chia sẻ.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố thu thập, cập nhật, truyền/nhận thông tin dữ liệu giá về trung tâm dữ liệu tại Tổng cục theo đúng thời gian quy định.

- Xử lý các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá trong toàn Ngành.

- Đảm bảo các yêu cầu về phân cứng trong suốt quá trình vận hành cơ sở dữ liệu giá trong toàn Ngành.

- Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động của hệ thống.

- Đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, bảo mật số liệu đối với hệ thống thông tin dữ liệu giá tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan.

- Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định.

Giao Vụ trưởng Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan chịu

trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá trong toàn Ngành.

d) Trách nhiệm của cán bộ công chức Hải quan.

- Cán bộ công chức Hải quan khi khai thác, sử dụng các thông tin dữ liệu giá trên hệ thống để hỗ trợ công tác xác định và quản lý giá tính thuế phải thực hiện theo đúng các văn bản pháp quy hiện hành hướng dẫn về quy trình xác định giá tính thuế.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các dữ liệu được thu thập, cập nhật vào hệ thống đối với mảng dữ liệu được phân công.

- Dữ liệu thông tin đưa vào máy tính phải được kiểm tra phù hợp với bộ hồ sơ nhập khẩu hoặc chứng từ có liên quan theo đúng các quy định của pháp luật.

- Tuyệt đối tuân thủ quy trình quản lý trên máy tính.

- Chỉ được khai thác và sử dụng mảng dữ liệu trong hệ thống liên quan đến công việc chuyên môn theo sự phân công của lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm về tính bảo mật đối với mảng dữ liệu được phân công theo dõi quản lý.

- Bảo mật mã thâm quyền riêng trong

quá trình cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống.

2. Bảo mật cơ sở dữ liệu giá:

- Cán bộ công chức thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống phải có mã số và quyền hạn riêng nhất định trong từng phân hệ chương trình.

- Phân rõ quyền hạn truy nhập vào hệ thống chương trình.

- Dữ liệu cập nhật hàng ngày của các đơn vị Hải quan cuối mỗi ngày hoặc mỗi buổi phải được lưu trữ thành một bản dự phòng. Bản dự phòng này có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

- Dữ liệu dự phòng phải đảm bảo được lưu trên thiết bị lưu trữ thống nhất, bảo mật và an toàn.

Giao Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị trong việc phân quyền, sao lưu dữ liệu dự phòng và lưu trữ cơ sở dữ liệu giá đảm bảo thống nhất, bảo mật và an toàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu giá để thực hiện thống nhất việc cập

nhật, khai thác, sử dụng và quản lý thông tin dữ liệu giá trong toàn Ngành.

2. Cục trưởng Cục Hải quan các Tỉnh, Thành phố căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị mình để xây dựng và ban hành các quy định cụ thể phân cấp cho cán bộ, công chức trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống dựa trên những quy định của quy chế này. Chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ có liên quan chia sẻ, cung cấp các thông tin có liên quan đến công tác kiểm tra, xác định trị giá tính thuế như: Thông tin về tờ khai trên chương trình số liệu xuất nhập khẩu, thông tin về doanh nghiệp trên hệ thống quản lý rủi ro, thông tin vi phạm trên hệ thống xử lý vi phạm, thông tin về kiểm

tra sau thông quan,... để nâng cao hiệu quả công tác khai thác thông tin trong toàn Ngành. Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch thông tin giá tính thuế, tự ý sửa chữa phần mềm cơ sở dữ liệu giá hoặc khai thác thông tin giá tính thuế vào các mục đích ngoài quy định của Quy chế này.

3. Đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của Ngành và của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để hướng dẫn hoặc nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Phụ lục

QUY ĐỊNH CỤ THỂ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP CÁC NGUỒN THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 1102/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phương pháp thu thập các nguồn thông tin từ hồ sơ nhập khẩu quy định tại điểm a mục I phần II.

a) Đối với dữ liệu trên tờ khai nhập khẩu, tờ khai trị giá:

Căn cứ vào các tiêu chí do doanh nghiệp khai báo trên tờ khai nhập khẩu, tờ khai trị giá sau khi đã được cơ quan hải quan kiểm tra, tiếp nhận đăng ký trong hồ sơ lô hàng nhập khẩu để cập nhật vào hệ thống.

b) Đối với thông tin chi tiết về hàng hóa:

Căn cứ vào kết quả kiểm hóa do kiểm hóa viên xác định và ghi chép trên tờ khai nhập khẩu để cập nhật vào hệ thống. Thông tin chi tiết của hàng hóa phải đảm bảo phân biệt được mặt hàng này với mặt hàng khác, nhất là những mặt hàng doanh nghiệp khai báo chưa rõ ràng, cụ thể. Thực chất đây là phần bổ sung thêm các thông tin chi tiết về hàng hóa ngoài các thông tin đã khai báo ban đầu của doanh nghiệp, phục vụ cho việc tra cứu và so sánh các thông tin khi kiểm

tra trị giá. Các thông tin cần cập nhật bổ sung bao gồm: Tên thương mại; Nhà sản xuất; Ký mã hiệu; Model; Năm sản xuất; Nguyên liệu; Thành phần; Hàm lượng; Nhãn mác;... Tùy theo đặc điểm, cấu tạo, công dụng của từng mặt hàng, nhóm hàng và mục tiêu quản lý giá để bổ sung các thông tin trên vào hệ thống cho phù hợp.

c) Đối với thông tin về kết quả xác định giá tính thuế lô hàng:

Căn cứ vào kết quả xác định giá tính thuế do cơ quan hải quan xác định trên tờ khai trị giá để cập nhật vào hệ thống bao gồm:

- Chấp nhận trị giá khai báo đồng thời xác định mức độ tin cậy của trị giá khai báo theo một trong hai tình huống: Bình thường hoặc nghi ngờ.

Dấu hiệu để xác định trị giá khai báo ở mức độ nghi ngờ được thực hiện theo quy định tại thông tư hướng dẫn xác định trị giá.

- Không chấp nhận trị giá khai báo, trị giá khai báo được xác định theo phương

pháp nào thì cập nhật vào hệ thống theo đúng mẫu tương ứng với phương pháp xác định trị giá...

d) Đối với thông tin về kết quả tham vấn lô hàng:

Căn cứ kết quả tham vấn ghi tại biên bản tham vấn do cơ quan Hải quan kết luận: Chấp nhận trị giá khai báo hoặc bác bỏ trị giá khai báo, lý do chấp nhận hoặc bác bỏ trị giá khai báo để cập nhật vào hệ thống tại mục nhập kết quả kiểm tra trị giá.

đ) Đối với thông tin về kết quả điều chỉnh giá tính thuế:

Căn cứ vào thông báo kết quả xác định giá tính thuế sau tham vấn, quyết định điều chỉnh thuế sau khi đã được ban hành (do điều chỉnh giá) để cập nhật vào hệ thống theo đúng phương pháp điều chỉnh, lý do điều chỉnh giá tính thuế.

e) Đối với thông tin về kết quả phức tập:

Căn cứ vào kết quả phức tập ghi tại phiếu phức tập hồ sơ để cập nhật kết quả phức tập giá vào hệ thống.

g) Đối với thông tin về kết quả giải quyết khiếu nại:

Căn cứ vào hồ sơ khiếu nại do doanh nghiệp gửi và kết quả giải quyết khiếu nại

tại công văn hoặc quyết định giải quyết khiếu nại để cập nhật vào hệ thống.

h) Đối với thông tin về kết quả kiểm tra sau thông quan:

Căn cứ vào biên bản kết luận kết quả kiểm tra sau thông quan, nếu có liên quan đến trị giá tính thuế của lô hàng nhập khẩu thì căn cứ kết quả xử lý để cập nhật vào hệ thống.

i) Đối với kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá:

Căn cứ vào kết luận của Đoàn thanh tra hoặc kết quả kiểm tra trị giá được ghi chép tại các biên bản kiểm tra, thanh tra về trị giá tính thuế và kết quả xử lý để cập nhật vào hệ thống.

2. Phương pháp thu thập các nguồn thông tin khác quy định tại điểm b mục 1 phần II.

a) Đối với nguồn thông tin trên Internet:

Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin trên Internet phục vụ công tác nghiệp vụ giá, cán bộ công chức thừa hành tổ chức tra cứu thông tin trên mạng Internet, sau khi tìm thấy thông tin cần tìm kiếm thì thực hiện như sau:

- In thông tin vừa tìm thấy (chú ý thông tin về tên hàng, mức giá, ...).

- Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng giá hoặc

phòng nghiệp vụ; Lãnh đạo Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) để đánh giá mức độ tin cậy của mức giá đã tra cứu trên mạng, trong tờ trình cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo có ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

- Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

b) Đối với nguồn thông tin từ tạp chí, sách báo, các bản tin về giá:

- Căn cứ kế hoạch đặt mua các tạp chí, sách báo, bản tin về giá của đơn vị và nhu cầu khai thác sử dụng thông tin cho công tác quản lý giá, công chức làm công tác giá tiến hành phân tích, tổng hợp và lựa chọn những mặt hàng có mức giá phù hợp.

- Pho to những mức giá đã lựa chọn.

- Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng giá hoặc Phòng nghiệp vụ; Lãnh đạo Vụ Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) trong đó cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo có ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

- Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

c) Đối với nguồn thông tin từ các thư chào hàng:

- Căn cứ các thư chào hàng do doanh nghiệp cung cấp hoặc do cơ quan Hải quan thu thập được từ các phương tiện thông tin, công chức làm công tác giá tiến hành phân tích, tổng hợp để đánh giá mức độ tin cậy của các thông tin được cung cấp hoặc thu thập được.

- Trên cơ sở kết quả phân tích, lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào hệ thống.

- Cập nhật bổ sung vào hệ thống đối với các trường hợp được Lãnh đạo phê duyệt “chấp nhận”.

d) Đối với nguồn thông tin từ cơ quan thẩm định giá:

- Căn cứ vào nội dung trả lời bằng văn bản của các cơ quan thẩm định giá theo đề nghị của cơ quan của Hải quan.

- Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào hệ thống.

- Cập nhật bổ sung vào hệ thống theo ý kiến của lãnh đạo phê duyệt.

đ) Đối với các nguồn thông tin từ giá bán thị trường nội địa:

- Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin giá bán trên thị trường nội địa phục vụ công tác nghiệp vụ giá, Lãnh đạo phân công 02 cán bộ tiến hành khảo sát giá

bán tại thị trường nội địa. Khi tiến hành khảo sát giá, phải lập phiếu khảo sát giá bao gồm các yếu tố sau: Họ tên cán bộ khảo sát, địa chỉ khảo sát, thời gian khảo sát, tên hàng hóa cần khảo sát (mô tả chi tiết), đơn giá, cấp độ thương mại, các ghi chép khác.

- Căn cứ vào kết quả khảo sát tại phiếu khảo sát nêu trên, lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào nguồn dữ liệu giá. Lãnh đạo có ý kiến phê duyệt “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận”.

- Cập nhật bổ sung vào hệ thống đối với các trường hợp được Lãnh đạo phê duyệt “chấp nhận”.

e) Đối với các nguồn thông tin do các cơ quan khác cung cấp như: Thuế nội địa, ngân hàng,...

- Căn cứ vào công văn trả lời về mức giá của các cơ quan có liên quan theo đề nghị của Hải quan.

- Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào hệ thống

- Cập nhật bổ sung vào hệ thống theo ý kiến của lãnh đạo phê duyệt.

g) Đối với các nguồn thông tin về giá do hải quan các nước, tổ chức hải quan khu vực và quốc tế cung cấp:

Cập nhật vào hệ thống căn cứ vào thư

trả lời của Hải quan các nước, tổ chức hải quan khu vực và quốc tế cung cấp theo đề nghị của Hải quan Việt Nam.

3. Phương pháp thu thập, cập nhật, xây dựng và sử dụng danh mục quản lý rủi ro về giá quy định tại điểm c mục 1 phần II.

a) Phương pháp thu thập xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá:

a.1) Nguyên tắc xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá: Việc xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá chỉ thực hiện đối với những nhóm hàng, mặt hàng có độ rủi ro cao về gian lận trị giá do Tổng cục quy định hoặc những mặt hàng trọng điểm có xu hướng gian lận thương mại cao tại các địa phương và được thực hiện theo những nguyên tắc sau:

- Mức giá xây dựng phải được tổng hợp từ các nguồn thông tin có độ tin cậy cao, có căn cứ và cơ sở rõ ràng.

- Mức giá phải được xây dựng cho từng mặt hàng cụ thể với đầy đủ các thông tin chi tiết về tên hàng, mẫu mã, chủng loại, Model, năm sản xuất, công dụng, tính năng,...không xây dựng theo hình thức “gom khung” các mặt hàng có đặc điểm gần giống nhau hoặc xây dựng không cụ thể, rõ ràng.

- Mức giá phải thường xuyên được rà soát và sửa đổi kịp thời khi có sự biến

động về giá tại các Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố (trong vòng 1 tuần kể từ khi có sự biến động về giá).

a.2) Nguồn thông tin xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá bao gồm:

- Nguồn thông tin về giá trên hệ thống GTT22 bao gồm thông tin về giá khai báo của doanh nghiệp và các thông tin về giá điều chỉnh của cơ quan Hải quan đối với các trường hợp đã tham vấn và bác bỏ trị giá khai báo.

- Nguồn thông tin về giá chào bán công khai trên mạng Internet.

- Các nguồn thông tin khác do cơ quan hải quan thu thập được như: Giá bán trên thị trường, giá do các nhà sản xuất trong nước cung cấp, giá do nhà xuất khẩu cung cấp,...

- Nguồn thông tin giá đã được các cơ quan, tổ chức thẩm định giá trong hoặc ngoài nước cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Hải quan.

- Nguồn thông tin trong danh mục cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro về giá do Tổng cục cung cấp sau khi tổng hợp từ các nguồn thông tin.

- Các nguồn thông tin khác do cơ quan Hải quan tự thu thập.

a.3) Phương pháp xây dựng:

Việc xây dựng danh mục quản lý rủi

ro về giá được thực hiện trên cơ sở phân tích và tổng hợp các nguồn thông tin theo trình tự ưu tiên như sau:

- So sánh với trị giá của mặt hàng giống hệt, tương tự nhập khẩu trước đó do cơ quan hải quan xác định trị giá.

- So sánh với trị giá khai báo của mặt hàng giống hệt, tương tự nhập khẩu trước đó đã được chấp nhận trị giá khai báo loại trừ các trường hợp thuộc diện nghi ngờ, chờ tham vấn.

- So sánh với trị giá khai báo của mặt hàng bộ linh kiện đồng bộ tương tự, cùng loại đã nhập khẩu, so sánh với trị giá khai báo của các nguyên liệu chính cấu thành nên sản phẩm đã nhập khẩu trước đó và không bị đánh dấu nghi ngờ.

- So sánh với trị giá khai báo của hàng giống hệt, tương tự do nhà xuất khẩu cung cấp hoặc do nhà sản xuất trong nước cung cấp.

- So sánh với trị giá của hàng giống hệt, tương tự đã được các cơ quan, tổ chức thẩm định giá xác nhận theo yêu cầu của cơ quan Hải quan.

- Tính toán từ giá chào bán trên mạng Internet như sau:

Lấy chào bán trên mạng (giá Invoice dealer) trừ đi chi phí đàm phán và các khoản thuế tại nước xuất khẩu (tùy từng trường hợp cụ thể để quyết định tỷ lệ

khấu trừ hợp lý trong khoảng từ 10% đến 20%).

Lưu ý: Khi lấy giá trên mạng Internet, phải lấy những mạng có địa chỉ tin cậy cao, hình thức bán hàng không bị hạn chế bởi những điều kiện nhất định có thể ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

- Tính toán từ giá bán thị trường nội địa trên cơ sở: Lấy giá bán thị trường nội địa (giá bán sau khi nhập khẩu) trừ đi chi phí phát sinh sau nhập khẩu. Chi phí phát sinh sau nhập khẩu bao gồm các khoản thuế phải nộp trong nước và chi phí chung được phép hạch toán vào giá vốn và lợi nhuận. Chi phí chung và lợi nhuận được phép khấu trừ tối đa không quá 20% giá bán.

Trường hợp lấy từ giá bán lẻ hoặc giá bán buôn thì quy đổi theo công thức:

$$\text{Giá bán sau nhập khẩu} = \text{Giá bán buôn} / 110\% = \text{Giá bán lẻ} / 115\%$$

- Tham khảo các mức giá tương tự đã được quy định trước đó tại danh mục dữ liệu quản lý rủi ro của Tổng cục hoặc của đơn vị.

Trên cơ sở các kết quả so sánh từ các nguồn thông tin nêu trên, cán bộ giá tổng hợp và đề xuất mức giá phù hợp, nêu rõ cơ sở đề xuất đồng thời trình lãnh đạo ký duyệt ban hành để áp dụng trong phạm vi đơn vị và gửi ngay về Tổng cục để tổng

hợp, ban hành và áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

Lưu ý: Trong quá trình xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá, tùy từng trường hợp cụ thể để thu thập và tổng hợp các nguồn thông tin nhằm đưa ra mức giá phù hợp với thực tế, không nhất thiết phải thu thập đầy đủ các nguồn thông tin nêu trên mới xây dựng mức giá.

b) Phương pháp cập nhật:

Cập nhật danh mục quản lý rủi ro về giá vào chương trình EXCEL theo mẫu do Tổng cục quy định bao gồm:

- Mẫu đề xuất xây dựng dữ liệu giá những mặt hàng quản lý rủi ro.
- Mẫu đề xuất sửa đổi dữ liệu giá những mặt hàng quản lý rủi ro.

c) Truyền/nhận danh mục quản lý rủi ro về giá:

- Sau khi ban hành mức giá, Cục Hải quan địa phương phải gửi ngay đến các Chi cục trực thuộc để thực hiện và báo cáo về Tổng cục qua đường thư điện tử.

- Tổng cục Hải quan sẽ tổng hợp các mức giá do các Cục Hải quan địa phương đã ban hành đồng thời gửi cho tất cả các đơn vị để áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

d) Sử dụng danh mục quản lý rủi ro về giá:

Danh mục quản lý rủi ro về giá được sử dụng để:

- Kiểm tra trị giá khai báo của doanh nghiệp, xác định dấu hiệu nghi ngờ để xử lý tại các khâu kế tiếp theo quy trình nghiệp vụ xác định trị giá.

- Nghiêm cấm việc sử dụng danh mục quản lý rủi ro về giá để áp đặt, xác định trị giá tính thuế.

đ) Sửa đổi danh mục quản lý rủi ro về giá:

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện mức giá quy định tại danh mục quản lý rủi ro về giá có sự tăng, giảm trên 10% thì xử lý như sau:

- Cục Hải quan địa phương tự điều chỉnh lại mức giá phù hợp với thực tế đối với các mặt hàng thuộc danh mục trọng

điểm do Cục trưởng Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố quản lý đồng thời báo cáo về Tổng cục.

- Cục Hải quan địa phương đề xuất sửa đổi mức giá đối với các trường hợp mức giá trong danh mục quản lý rủi ro về giá do Tổng cục ban hành (có mẫu kèm theo).

4. Quản lý và lưu trữ:

Toàn bộ hồ sơ thu thập các nguồn thông tin, hồ sơ xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá bao gồm: Cơ sở thu thập nguồn thông tin, tờ trình báo cáo lãnh đạo các mức giá đề xuất khi xây dựng danh mục quản lý rủi ro về giá, ý kiến phê duyệt của lãnh đạo phải được lưu trữ và bảo quản như đối với hồ sơ lô hàng nhập khẩu sau khi cập nhật vào hệ thống./.

BÁO CÁO XÂY DỰNG DỮ LIỆU GIÁ NHỮNG MẶT HÀNG QUẢN LÝ RỦI RO

STT	Mã số	Số tờ khai, ngày, tháng, năm	Tên hàng (Mô tả chi tiết)	Xuất xứ	ĐVT	Giá tham khảo							Giá đề xuất (USD)	Cơ sở đề xuất
						Giá khai báo (USD)	Giá điều chỉnh sau tham vấn (USD)	Giá Internet (USD)	Giá bán nội địa (USD)	Giá xuất khẩu (USD)	Giá đã được thẩm định (USD)	Giá mặt hàng trong tự đã có trong CSDL giá (USD)		
1														
2														
3														

NGƯỜI LẬP BIỂU

..... Ngày.... tháng.... năm 2008
CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN